CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2024

CTCP Kinh doanh và Phát triển Bình Dương

Ngày 28/06/2024	9,530 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.8%	**3.6%**	**-2.8%**

DT thuần
Q2/24
115
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.00| -3.3%
YoY: ▼19.0| -14.2%

LN thuần
Q2/24
74.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 96.7| 430%
YoY: ▲ 131| 231%

LN sau thuế
Q2/24
74.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 98.3| 408%
YoY: ▲ 355| 126%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/24
114%
YoY: +/-▲ 111%

ROE (TTM)
Q2/24
0.7%
YoY: +/-▲ 36.5%

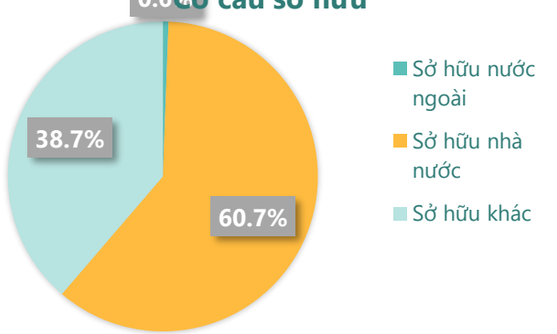
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,000 - 15,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	953
Số lượng CPLH (CP)	100,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	278,615
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.63
EPS	61
P/E	156.4

DT thuần
6T 2024
234
tỷ VNĐ
YoY: ▼4.00| -1.6%

LN thuần
6T 2024
51.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 146| 155%

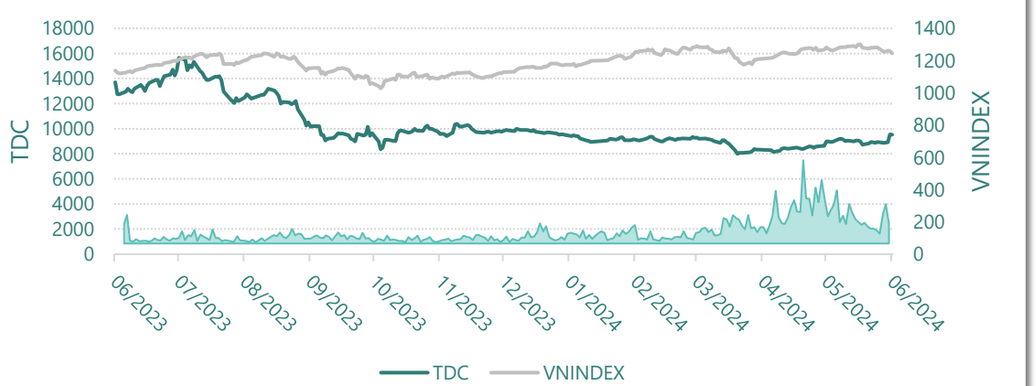
LN sau thuế
6T 2024
50.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 372| 116%

Cơ cấu sở hữu

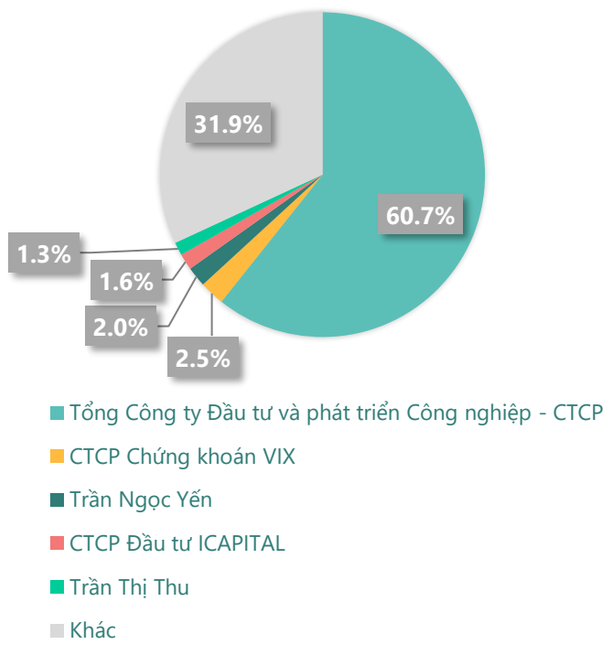


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



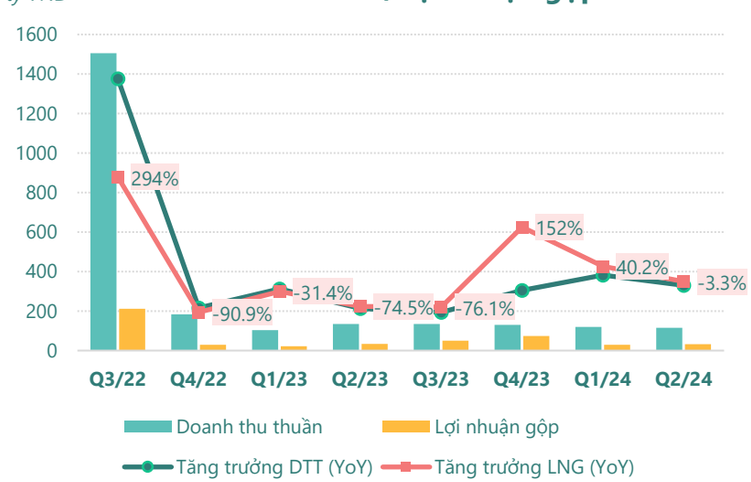
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

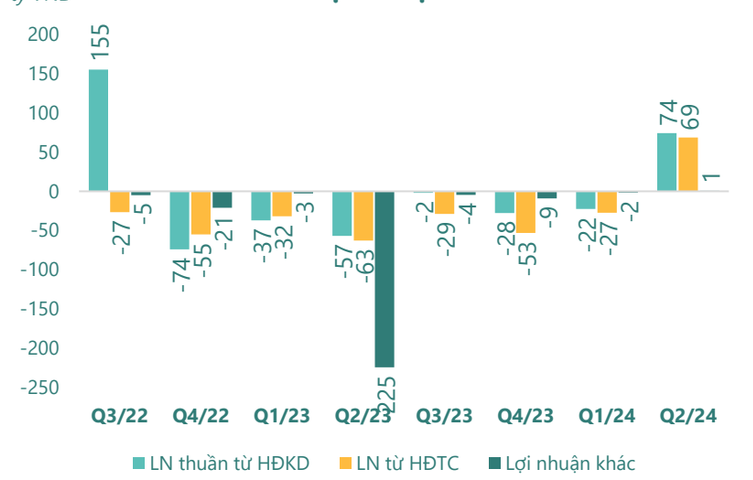
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



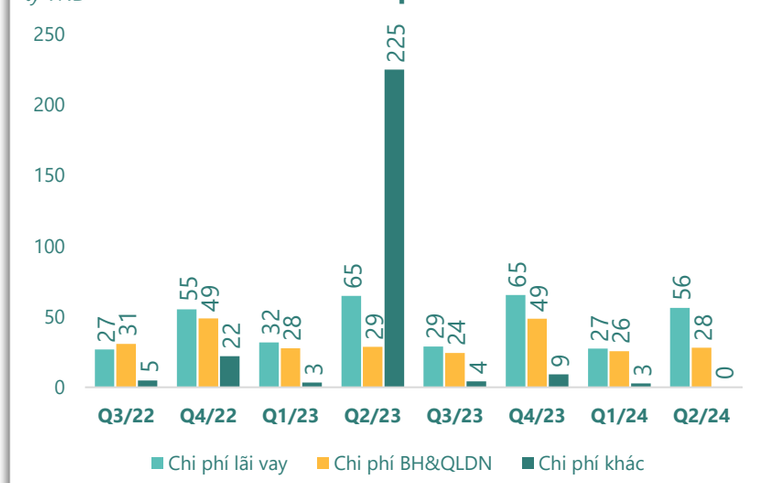
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



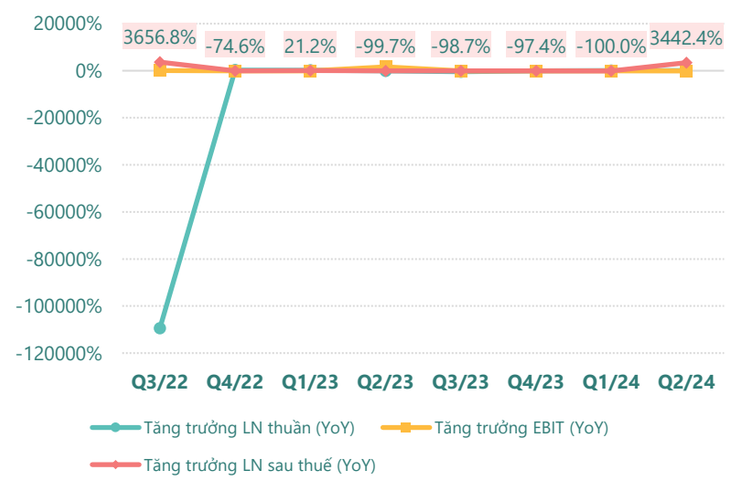
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



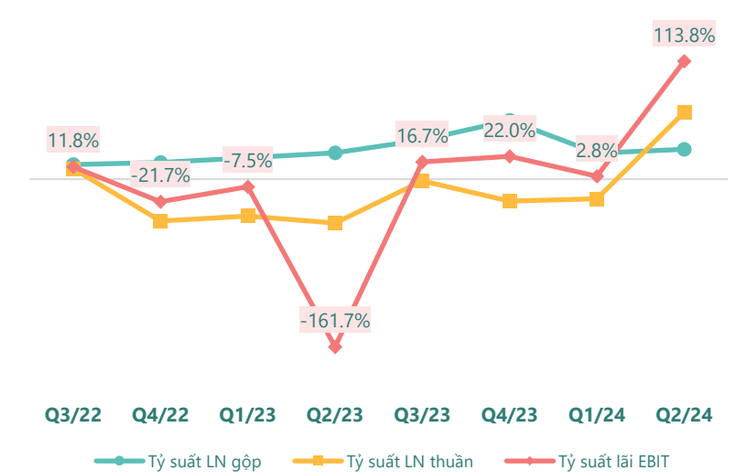
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



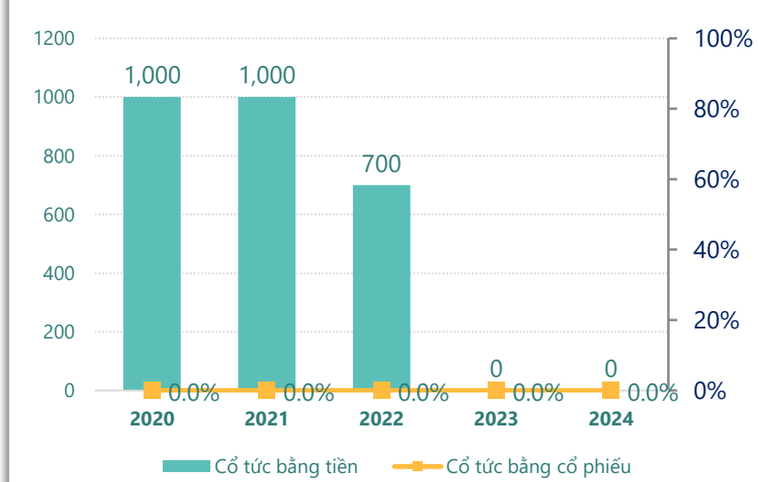
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

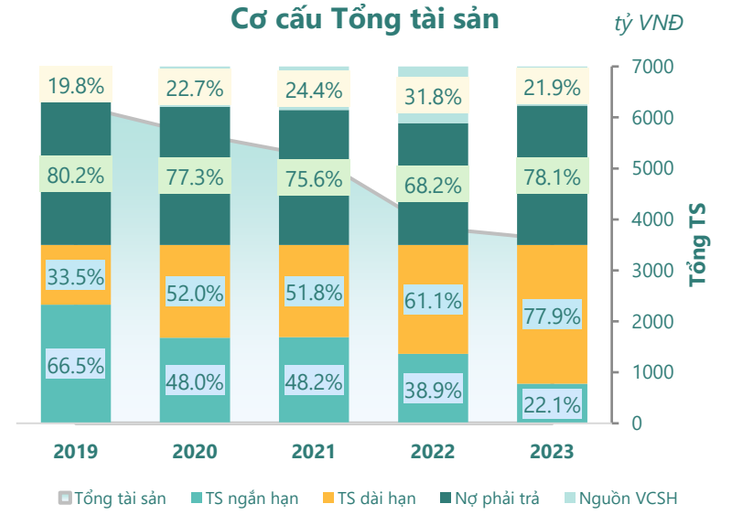
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

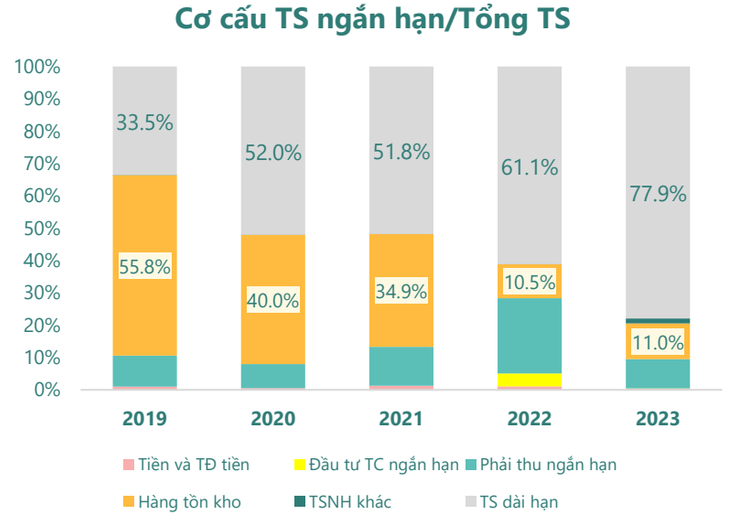
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



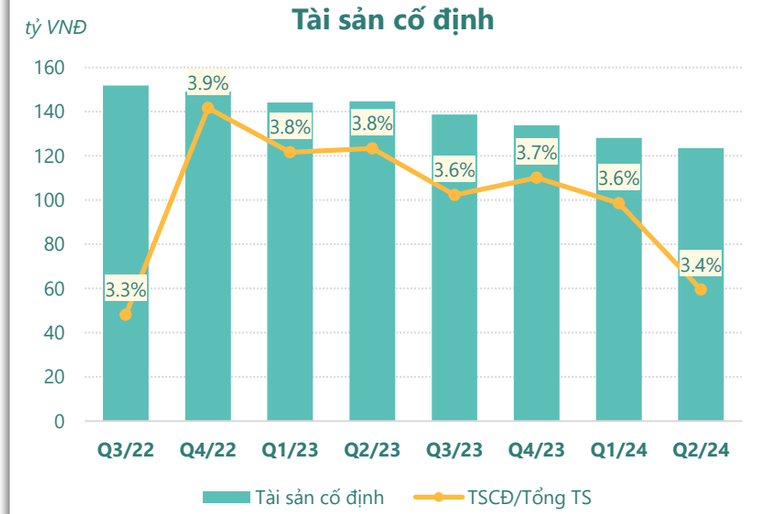
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



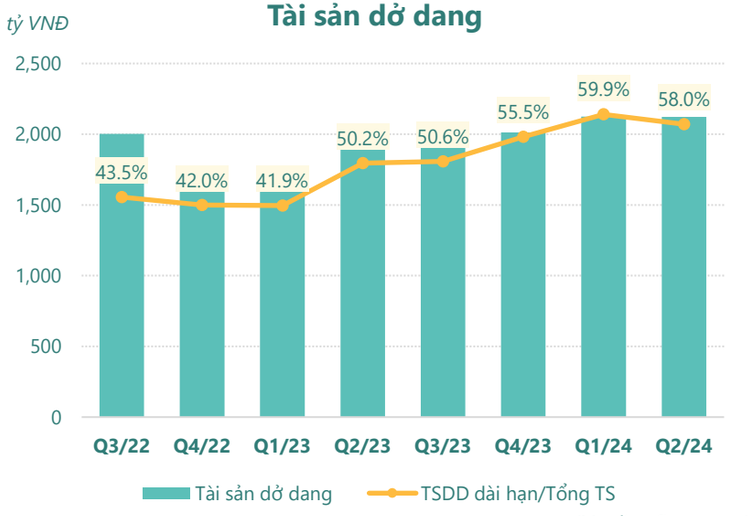
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



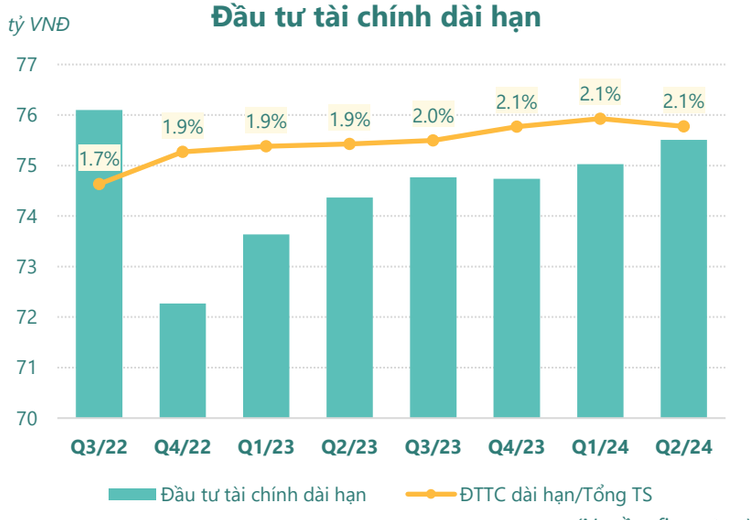
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



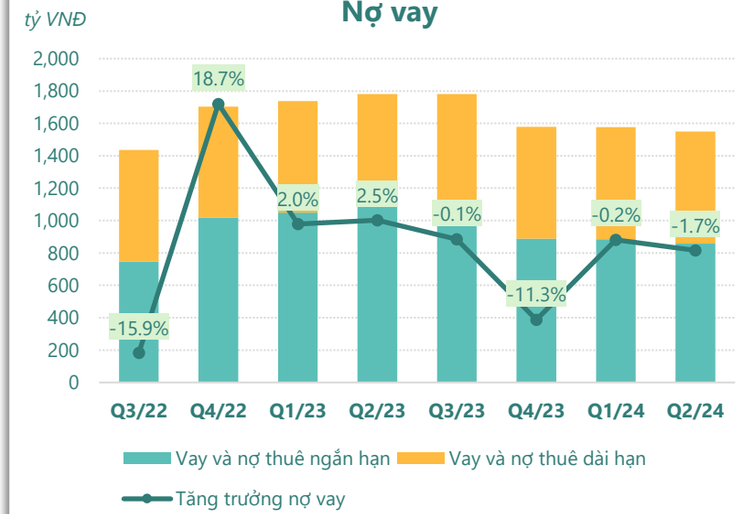
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

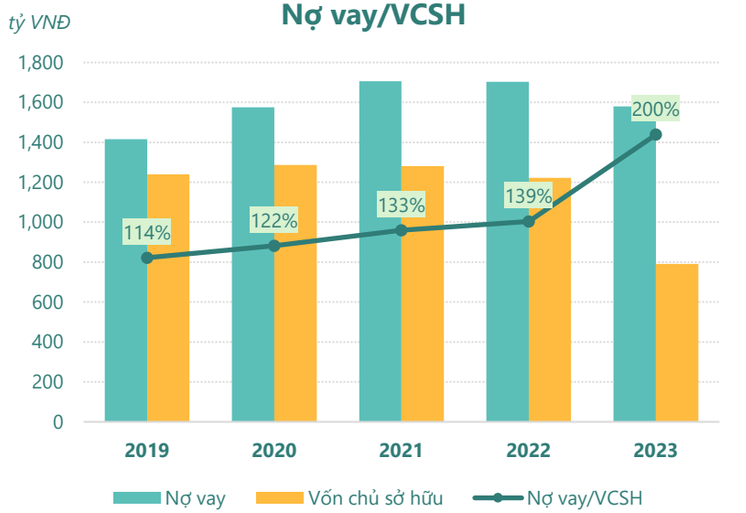
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

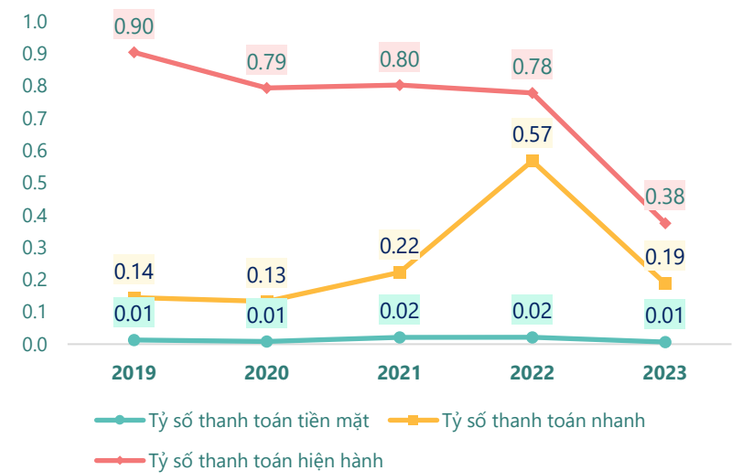
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



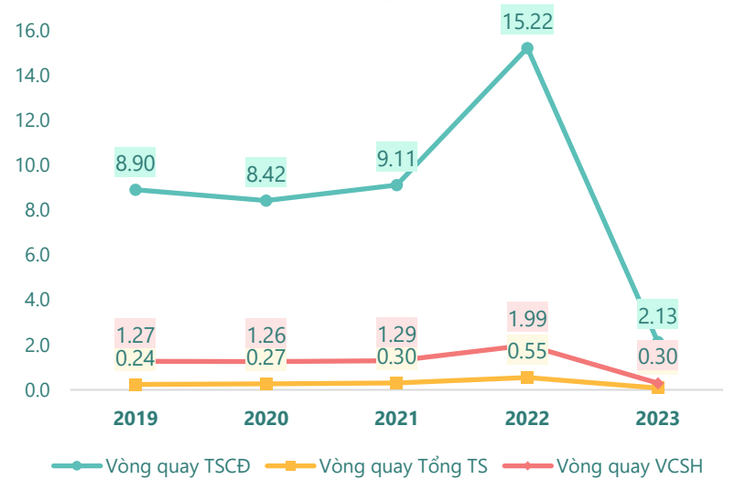
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



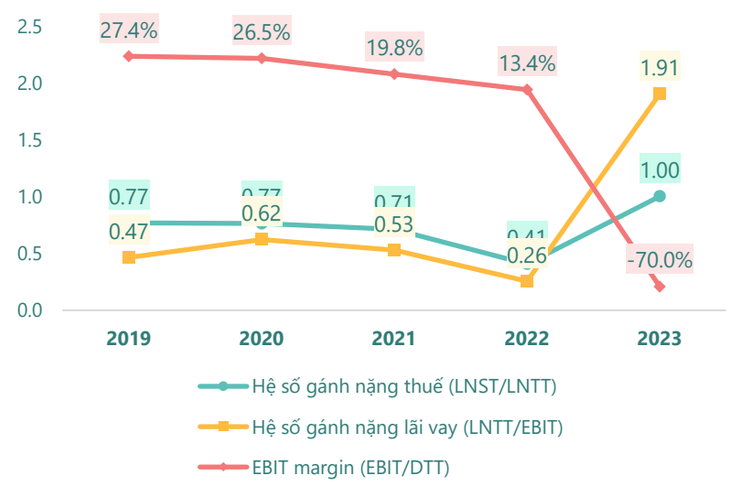
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



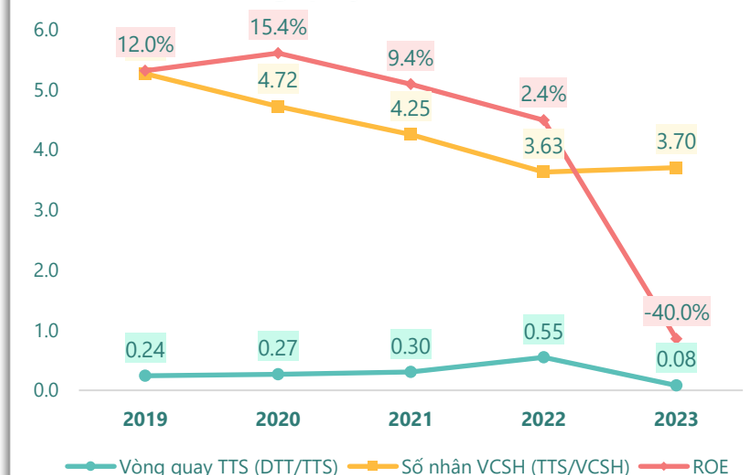
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



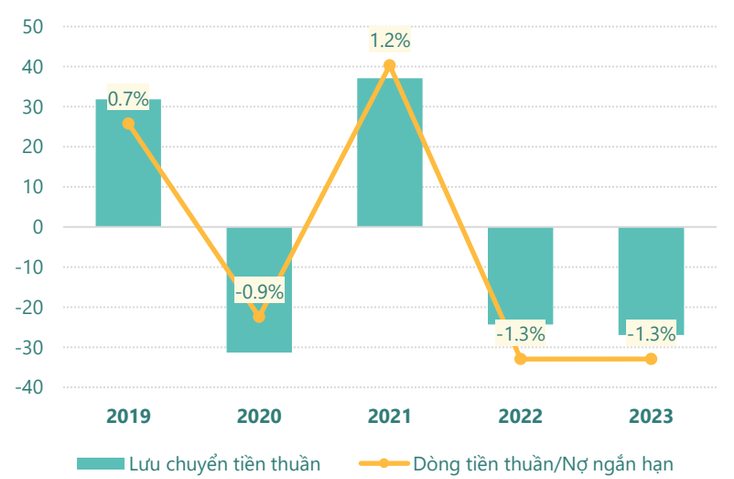
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**115**	**134**	**-14.2%**	**234**	**238**	**-1.6%**
Giá vốn hàng bán	82.0	99.9	-17.9%	171	183	-6.2%
Lợi nhuận gộp	33.0	34.1	-3.3%	63.0	55.5	13.5%
Doanh thu HĐTC	125	1.71	7202%	125	1.72	7159%
Chi phí TC	56.2	64.7	-13.2%	83.5	96.5	-13.4%
Chi phí lãi vay	56.2	64.7	-13.2%	83.5	96.5	-13.4%
LN trong công ty LKLD	**0.53**	**0.73**	**-27.4%**	**0.99**	**1.74**	**-42.8%**
Chi phí bán hàng	13.9	14.5	-4.1%	26.9	28.1	-4.2%
Chi phí QLDN	**14.0**	**14.1**	**-0.4%**	**26.6**	**28.1**	**-5.2%**
LN thuần từ HĐKD	74.2	-56.8	231%	51.8	-93.7	155%
Lợi nhuận khác	**0.51**	**-225**	**100%**	**-1.07**	**-227**	**99.5%**
LN trước thuế	74.8	-281	127%	50.7	-321	116%
Lợi nhuận sau thuế	**74.2**	**-281**	**126%**	**50.1**	**-322**	**116%**
LNST của CĐ cty mẹ	**73.4**	**-281**	**126%**	**50.0**	**-322**	**116%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-63.4	-7.03	-14.2	49.5	10.2	21.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.51	-8.70	-0.56	153	4.53	2.68
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	32.4	41.7	-5.81	-202	-4.59	-28.1
Tiền đầu kỳ	41.0	8.51	34.5	13.9	14.1	24.2
Lưu chuyển tiền thuần	**-32.5**	**26.0**	**-20.6**	**0.14**	**10.1**	**-3.92**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	8.51	34.5	13.9	14.1	24.2	20.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,661**	**3,610**	**1.4%**
Tài sản ngắn hạn	877	799	9.7%
Tiền và tương đương tiền	20.3	14.1	44.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	3.50	-100%
Phải thu ngắn hạn	399	326	22.2%
Hàng tồn kho	407	399	2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	50.8	56.5	-10.0%
Tài sản dài hạn	**2,784**	**2,812**	**-1.0%**
Phải thu dài hạn	440	446	-1.5%
Tài sản cố định	123	134	-7.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2,123	2,138	-0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	75.5	74.6	1.3%
Tài sản dài hạn khác	**22.4**	**18.8**	**19.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,822	2,820	0.1%
Nợ ngắn hạn	**2,130**	**2,130**	**0.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	858	890	-3.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	567	601	-5.7%
Nợ dài hạn	692	690	0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	692	690	0.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**839**	**790**	**6.2%**
Vốn chủ sở hữu	**839**	**790**	**6.2%**
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)